

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HC-PT
Ngày 13 tháng 8 năm 2025
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính và
hành vi hành chính trong quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Mạnh Cường

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quốc Hoàng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 309/2025/TLPT-HC ngày 16 tháng 4 năm 2025 về “Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 2190/2022/HC-ST ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 278/2025/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: 1 Đ, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Số A Đ, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh); có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của Người khởi kiện: Ông Trần Xuân K, sinh năm 1958; địa chỉ cư trú: Số I P, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Số I P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); có mặt.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân quận B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho N bị kiện: Bà Hà Thảo S, sinh năm 1983 - Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường T; có mặt.

Địa chỉ: Số H P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Minh T, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Số A Đ, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Số A Đ, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh); có mặt.

- Người kháng cáo: Bà Phạm Thị H1 là Người khởi kiện trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhà đất số A P (số cũ I N), Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Vũ Minh T và bà Phạm Thị H1 sử dụng thuộc diện giải tỏa toàn bộ để thực hiện Dự án xây dựng tuyến đường sắt đô thị B - S trên địa bàn quận B.

Ngày 23/02/2010, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 1589/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng toàn bộ căn nhà số A P (viết tắt là Quyết định số 1589) của ông T và bà H1. Ông T, bà H1 đã nhận 1.429.689.440 đồng tiền bồi thường. Theo quyết định trên thì một phần diện tích thu hồi là 58,4m² đất của gia đình bà H1 chỉ được hỗ trợ bằng 30% đơn giá đất ở là 22.085.000 đồng/m².

Không đồng ý với Quyết định số 1589, bà H1 khiếu nại. Ngày 04/02/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 856/QĐ-UBND có nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà H1 và giữ nguyên Quyết định 1589. Vì vậy, bà Phạm Thị H1 khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định hành chính nêu trên.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 345/2019/HC-PT ngày 11 tháng 6 năm 2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định phần diện tích 58,4m² đất của gia đình bà H1 bị thu hồi phải được

hưởng bồi thường theo đơn giá 100% đất ở.

Thi hành Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên, ngày 27/01/2021 Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 498/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng toàn bộ căn nhà số A P của ông T, bà H1 (Quyết định này thay thế Quyết định số 1589/QĐ-UBND), theo đó phần diện tích 58,4m² đất được tính 100% đơn giá đất ở là 22.085.000 đồng/1m² nên tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ mà gia đình bà H1 được nhận là 2.355.028.800 đồng, trừ đi số tiền 1.429.689.440 đã nhận thì gia đình bà H1 còn nhận thêm khoản tiền là 925.339.360 đồng. Ngày 04/11/2021, bà H1 đã nhận toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung.

Ngày 25/11/2021, bà H1 có đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân quận B chi trả tiền lãi tính theo mức lãi suất lũy tiến, phần giá trị trượt giá đối với khoản tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung kể từ ngày 27/01/2010 cho đến khi thi hành Bản án hành chính phúc thẩm số 345/2019/HC-PT ngày 11/6/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 07/01/2022, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Văn bản số 78/UBND-BTGPMB trả lời đơn của bà H1 với nội dung yêu cầu tính lãi trên số tiền bồi thường bổ sung của bà H1 không có cơ sở giải quyết.

Bà Phạm Thị H1 cho rằng Ủy ban nhân dân quận B áp dụng những căn cứ pháp luật từ 12 năm trước để thực hiện Luật Đất đai là trái pháp luật, gây thiệt hại cho bà; việc Ủy ban nhân dân quận B không tính lãi do bồi thường chậm là ảnh hưởng đến quyền lợi của bà; Ủy ban nhân dân quận B không ra quyết định giải quyết khiếu nại mà trả lời bằng Công văn số 78/UBND-BTGPMB là không đúng pháp luật. Vì vậy, bà H1 khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Văn bản số 78/UBND-BTGPMB ngày 07/01/2022 của Ủy ban nhân dân quận B; buộc Ủy ban nhân dân quận B phải tính lãi do chậm chi trả số tiền bồi thường bổ sung cho gia đình bà H1.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 2190/2022/HC-ST ngày 22 tháng 12 năm 2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định (tóm tắt):

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H1 về: Hủy Văn bản số 78/UBND-BTGPMB ngày 07/01/2022 của Ủy ban nhân dân quận B; buộc Ủy ban nhân dân quận B tính toán tiền lãi trên số tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung theo quy định của pháp luật; hủy Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 27/01/2021 của Ủy ban nhân dân quận B.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Ngày 28/12/2022, bà H1 có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 637/2023/HC-PT ngày 02/8/2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1. *Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H1 buộc Ủy ban nhân dân quận B phải tính lại đơn giá bồi thường về đất ở khi thu hồi đối với nhà đất số A P (số cũ I N), Phường B, quận B có diện tích 58,4m² do ông Vũ Minh T và bà Phạm Thị H1 là chủ sử dụng.*

2. *Bác yêu cầu của bà Phạm Thị H1 đề nghị hủy Văn bản số 78/UBND-BTGPMB ngày 07/01/2022 của UBND quận B, Thành phố Hồ Chí Minh về việc trả lời đơn của bà Phạm Thị H1.*

3. *Bác yêu cầu của bà Phạm Thị H1 đề nghị buộc Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh phải thực hiện hành vi giải quyết thanh toán thêm cho gia đình bà Phạm Thị H1 một khoản tiền do chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đối với số tiền 925.339.360 đồng.*

Tại Quyết định số 04/2025/HC-GĐT ngày 15/01/2025, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án hành chính phúc thẩm số 637/2023/HC-PT ngày 02/8/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử phúc thẩm lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phạm Thị H1 do ông Trần Xuân K là người đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện về việc đề nghị hủy Văn bản số 78/UBND-BTGPMB ngày 07/01/2022 của Ủy ban nhân dân quận B; buộc Ủy ban nhân dân quận B phải tính lãi do chậm chi trả số tiền bồi thường bổ sung cho gia đình bà H1.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị H1 trình bày: Ủy ban nhân dân quận B áp dụng những căn cứ pháp luật từ 12 năm trước để thực hiện Luật Đất đai là hoàn toàn không phù hợp cả về mặt pháp lý và thực tiễn, đồng thời việc nhận tiền đền bù bổ sung của bà H1 lẽ ra phải được nhận từ năm 2010 nhưng do xuất phát từ việc ban hành Quyết định số 1589 không đúng pháp luật nên bà H1 không được nhận số tiền này trong suốt 10 năm qua làm thiệt hại tới quyền lợi hợp pháp của gia đình bà H1. Vì vậy, Văn bản số 78/UBND-BTGPMB ngày 07/01/2022 của Ủy ban nhân dân quận B được xem là trái pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử hủy quyết định hành chính này và buộc Ủy ban nhân dân quận B (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T) phải tính lãi do chậm chi trả số tiền bồi thường bổ sung cho gia đình bà H1.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho N bị kiện trình bày: Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho gia đình bà Phạm Thị H1 khi thực hiện

Dự án xây dựng tuyến đường sắt đô thị B - S đã được bồi thường xong. Vì vậy, nội dung trả lời tại Văn bản số 78/UBND-BTGPMB ngày 07/01/2022 của Ủy ban nhân dân quận B là có căn cứ pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Thi hành Bản án hành chính phúc thẩm số 345/2019/HC-PT ngày 11 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27/01/2021 Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 498/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng toàn bộ căn nhà số A P của ông T, bà H1. Như vậy, quyết định này đã thay thế Quyết định số 1589/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân quận B. Theo đó phần diện tích 58,4m² đất được tính 100% đơn giá đất ở là 22.085.000 đồng/m² nên tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ mà gia đình bà H1 được nhận là 2.355.028.800 đồng, sau khi trừ đi số tiền 1.429.689.440 đồng đã nhận thì gia đình bà H1 còn nhận thêm khoản tiền là 925.339.360 đồng. Ngày 04/11/2021, bà H1 đã nhận toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013 thì trường hợp chậm chi trả tiền bồi thường do lỗi của cơ quan Nhà nước, gia đình bà H1 còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm trả theo quy định của Luật Quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả. Do đó, Văn bản số 78/UBND-BTGPMB ngày 07/01/2022 của Ủy ban nhân dân quận B không chấp nhận yêu cầu tính lãi trên số tiền bồi thường bổ sung là trái với quy định pháp luật viện dẫn ở trên, làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi hợp pháp của bà H1. Vì vậy, kháng cáo của bà H1 là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị H1 nộp trong hạn luật định, đúng quy định pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, Người bị kiện vắng mặt nhưng thông qua Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của N bị kiện có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Người bị kiện. Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị xét xử vắng mặt Người bị kiện. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính tiến hành xét xử vắng mặt Người bị kiện.

[3] Xét kháng cáo của Người khởi kiện là bà Phạm Thị H1 như sau:

[3.1] Theo Bản án hành chính phúc thẩm số 345/2019/HC-PT ngày 11 tháng 6 năm 2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định phần diện tích 58,4m² đất của gia đình bà H1 bị thu hồi phải được hưởng bồi thường theo đơn giá 100% đất ở. Thi hành bản án trên, ngày 27/01/2021 Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 498/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng toàn bộ căn nhà số A P của ông T, bà H1. Quyết định này thay thế Quyết định số 1589/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân quận B. Theo đó, phần diện tích 58,4m² đất được tính 100% đơn giá đất ở là 22.085.000 đồng/1m² nên tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ mà gia đình bà H1 được nhận là 2.355.028.800 đồng; sau khi trừ số tiền 1.429.689.440 đã nhận, gia đình bà H1 còn được nhận thêm khoản tiền là 925.339.360 đồng.

[3.2] Mặc dù đã nhận đủ số tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung vào ngày 04/11/2021, nhưng ngày 25/11/2021, bà Phạm Thị H1 vẫn tiếp tục có đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân quận B chi trả tiền lãi tính theo mức lãi suất lũy tiến, phần giá trị trượt giá, đối với khoản tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung kể từ ngày 27/01/2010 cho đến ngày thi hành Bản án hành chính phúc thẩm số 345/2019/HC-PT ngày 11/6/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[3.3] Như vậy, xuất phát từ việc phê duyệt bồi thường không đúng cho gia đình bà H1 đối với phần diện tích 58,4m² đất tại Quyết định số 1589/QĐ-UBND ngày 23/02/2010 dẫn đến Ủy ban nhân dân quận B phải ban hành Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 27/01/2021 để thay thế Quyết định số 1589/QĐ-UBND ngày 23/02/2010 của Ủy ban nhân dân quận này. Đối với số tiền 925.339.360 đồng thì lẽ ra bà H1 phải được nhận từ năm 2010 thay vì năm 2021 mới phù hợp. Từ việc chi trả không đúng dẫn đến quyền lợi của bà H1 bị xâm phạm với lỗi hoàn toàn thuộc về Ủy ban nhân dân quận B khi ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ không đúng quy định pháp luật.

[3.4] Hồ sơ vụ án thể hiện: Sau ngày Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực thi hành thì Ủy ban nhân dân quận B mới phê duyệt bồi thường hỗ trợ và chi trả tiền bồi thường hỗ trợ bổ sung cho gia đình bà H1. Tại khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013 quy định: Trường hợp chậm chi trả tiền bồi thường do lỗi của cơ quan Nhà nước, gia đình bà H1 còn được thanh toán

thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả. Như vậy, có cơ sở xác định Văn bản số 78/UBND-BTGPMB ngày 07/01/2022 của Ủy ban nhân dân quận B có nội dung không chấp nhận yêu cầu tính lãi trên số tiền bồi thường bổ sung là không phù hợp với quy định pháp luật viện dẫn ở trên, làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi hợp pháp của bà H1.

[3.5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xác định Văn bản số 78/UBND-BTGPMB ngày 07/01/2022 của Ủy ban nhân dân quận B là không hợp pháp nên kháng cáo của Người khởi kiện là có cơ sở chấp nhận.

[4] Quan điểm đề nghị của Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Đối với quan điểm của Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho N bị kiện thì không được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà Phạm Thị H1 không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 218; khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính.

1. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H1 buộc Ủy ban nhân dân quận B phải tính lại đơn giá bồi thường về đất ở khi thu hồi đối với nhà đất số A P (số cũ I N), Phường B, quận B có diện tích 58,4m² do ông Vũ Minh T và bà Phạm Thị H1 là chủ sử dụng.

2. Chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị H1; sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 2190/2022/HC-ST ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Áp dụng: Điều 93 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H1:

- Hủy Văn bản số 78/UBND-BTGPMB ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận B (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh;

- Buộc Ủy ban nhân dân quận B, (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T), Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo tiêu mục [3.3] và [3.4] tại Phần nhận định của bản án phúc thẩm.

2. Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Phạm Thị H1 không phải chịu. Hoàn trả cho bà Phạm Thị H1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2021/002218 ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B và Ủy ban nhân dân quận B mỗi đương sự phải chịu 300.000 đồng.

Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Phạm Thị H1 được miễn. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh phải chịu 300.000 đồng.

- Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm số 2190/2022/HC-ST ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Vụ Pháp chế và Quản lý Khoa học;
- Viện CT & XXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA - NTCL.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Mạnh Cường